

Số: /2016/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 4 và khoản 1, khoản 3 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 4 như sau:

“**Điều 4. Yêu cầu đánh giá**”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 4 như sau:

“1. Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.”

“3. Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kì bằng điểm số kết hợp với nhận xét; kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Đánh giá sự hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh:

a) Năng lực: tự phục vụ, tự quản; hợp tác; tự học và giải quyết vấn đề;

b) Phẩm chất: chăm học, chăm làm; tự tin, trách nhiệm; trung thực, kỉ luật; đoàn kết, yêu thương.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Đánh giá thường xuyên

1. Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện về kiến thức, kĩ năng, thái độ và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và các hoạt động giáo dục. Đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh nhằm hỗ trợ, điều chỉnh kịp thời, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

2. Đánh giá thường xuyên về học tập:

a) Giáo viên dùng lời nói, kí hiệu chỉ ra cho học sinh biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa, biết những yêu cầu để nhớ, thực hiện; viết nhận xét vào vở hoặc sản phẩm học tập của học sinh khi cần thiết, có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời;

b) Học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét sản phẩm học tập của bạn, nhóm bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để học và làm tốt hơn;

c) Khuyến khích cha mẹ học sinh trao đổi với giáo viên về các nhận xét, đánh giá học sinh bằng các hình thức phù hợp và phối hợp với giáo viên động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện.

3. Đánh giá thường xuyên về năng lực, phẩm chất:

a) Giáo viên căn cứ vào các mức độ nhận thức, kĩ năng, thái độ thông qua biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất của học sinh để nhận xét, có biện pháp giúp đỡ kịp thời;

b) Học sinh được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất để hoàn thiện bản thân;

c) Khuyến khích cha mẹ học sinh trao đổi, phối hợp với giáo viên động viên, giúp đỡ học sinh rèn luyện và phát triển năng lực, phẩm chất.

4. Tổng hợp đánh giá thường xuyên:

a) Về học tập

Giữa học kì và cuối học kì, giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và chuẩn kiến thức, kĩ năng của môn học, hoạt động giáo dục để đánh giá học sinh theo các mức sau:

- Mức A: nắm vững kiến thức, thành thạo kĩ năng, vận dụng linh hoạt kiến thức kĩ năng, hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, hứng thú với môn học hoặc hoạt động giáo dục;

- Mức B: nắm được kiến thức, có kĩ năng, biết vận dụng kiến thức kĩ năng, hoàn thành nhiệm vụ học tập môn học hoặc hoạt động giáo dục;

- Mức C: chưa nắm được kiến thức, thiếu hụt kĩ năng, chưa hoàn thành nhiệm vụ học tập môn học hoặc hoạt động giáo dục;

b) Về năng lực, phẩm chất

Giữa học kì và cuối học kì, giáo viên chủ nhiệm căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên để đánh giá mức độ hình thành và phát triển từng năng lực, phẩm chất của mỗi học sinh theo các mức sau:

- Mức A: nhận thức đầy đủ, làm tốt, hứng thú, tự tin;

- Mức B: nhận thức được, làm được, chưa thật hứng thú, chưa thật tự tin;

- Mức C: nhận thức chưa đầy đủ, chưa làm được, chưa hứng thú, thiếu tự tin.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Đánh giá định kì kết quả học tập

1. Đánh giá định kì kết quả học tập là hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh sau một giai đoạn học tập được thực hiện vào giữa học kì và cuối học kì, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh so với chuẩn kiến thức, kĩ năng quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

2. Đánh giá định kì kết quả học tập được thực hiện đối với các môn học: Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tin học, Tiếng dân tộc bằng bài kiểm tra.

a) Bài kiểm tra thực hiện vào cuối học kì I và cuối năm học;

b) Riêng đối với lớp 4, lớp 5, có thêm bài kiểm tra môn Tiếng Việt, môn Toán vào giữa học kì I và giữa học kì II.

3. Đề bài kiểm tra định kì phù hợp chuẩn kiến thức, kĩ năng và định hướng phát triển năng lực, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức độ nhận thức của học sinh như sau:

- Mức 1 (biết): học sinh nhận biết hoặc nhớ, nhắc lại đúng kiến thức đã học;

- Mức 2 (hiểu): học sinh hiểu các kiến thức, kỹ năng đã học, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân;

- Mức 3 (vận dụng): học sinh hiểu rõ các kiến thức, kỹ năng đã học, biết vận dụng giải quyết tình huống vấn đề quen thuộc trong học tập, tương tự tình huống, vấn đề đã học;

- Mức 4 (vận dụng nâng cao): học sinh vận dụng sáng tạo các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, khác với tình huống, vấn đề đã học hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

4. Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang 10 điểm, không cho điểm 0, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh. Điểm của bài kiểm tra định kì không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác. Nếu kết quả bài kiểm tra cuối học kì I và cuối năm học bất thường so với đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh.

5. Riêng đối với môn Tiếng Anh, học sinh học thời lượng 4 tiết/tuần trở lên, khuyến khích áp dụng định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh cuối lớp 5 (bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Đánh giá học sinh khuyết tật và học sinh học ở các lớp học linh hoạt

Đánh giá học sinh khuyết tật và học sinh học ở các lớp học linh hoạt bảo đảm quyền được chăm sóc và giáo dục.

1. Học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hoà nhập được đánh giá như đối với học sinh không khuyết tật, có điều chỉnh yêu cầu hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.

2. Học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.

3. Đối với học sinh học ở các lớp học linh hoạt: giáo viên căn cứ vào nhận xét, đánh giá thường xuyên qua các buổi học tại lớp linh hoạt và kết quả đánh giá định kì môn Toán, môn Tiếng Việt được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.”

6. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 13 và Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 13 như sau:

“Điều 13. Hồ sơ đánh giá và tổng hợp kết quả đánh giá”

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Hồ sơ đánh giá và tổng hợp kết quả đánh giá

1. Hồ sơ đánh giá gồm Học bạ và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

2. Giữa học kì và cuối học kì, giáo viên chủ nhiệm ghi kết quả đánh giá giáo dục của học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của các lớp được lưu giữ tại nhà trường theo quy định.

3. Cuối năm học, giáo viên chủ nhiệm ghi kết quả đánh giá giáo dục của học sinh vào Học bạ. Học bạ được nhà trường lưu giữ trong suốt thời gian học sinh học tại trường, được giao cho học sinh khi hoàn thành chương trình tiểu học hoặc đi học trường khác.

4. Giáo viên có sổ cá nhân để ghi chép, theo dõi sự tiến bộ của học sinh, lưu ý đến học sinh có nội dung chưa hoàn thành hoặc có khả năng vượt trội.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học

1. Xét hoàn thành chương trình lớp học:

a) Học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học phải đạt các điều kiện sau:

- Tổng hợp đánh giá thường xuyên về học tập cuối năm học của từng môn học và hoạt động giáo dục: mức A hoặc mức B;

- Tổng hợp đánh giá thường xuyên về từng năng lực và phẩm chất cuối năm học: mức A hoặc mức B;

- Bài kiểm tra định kì cuối năm học của các môn học đạt điểm 5 trở lên;

b) Đối với học sinh chưa được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học, giáo viên lập kế hoạch, hướng dẫn, giúp đỡ; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học;

c) Đối với học sinh đã được hướng dẫn, giúp đỡ mà vẫn chưa đủ điều kiện hoàn thành chương trình lớp học, tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh

1. Nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh nhằm đảm bảo tính khách quan và trách nhiệm của giáo viên về kết quả đánh giá học sinh; giúp giáo viên nhận học sinh vào năm học tiếp theo có đủ thông tin cần thiết để có kế hoạch, biện pháp giáo dục hiệu quả.

2. Hiệu trưởng chỉ đạo nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh:

a) Đối với học sinh lớp 1, 2, 3, 4: giáo viên chủ nhiệm trao đổi với giáo viên nhận học sinh vào năm học tiếp theo về những nét nổi bật hoặc hạn chế của học sinh, bàn giao hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy định này;

b) Đối với học sinh lớp 5: tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì cuối năm học cho cả khối; tổ chức coi, chấm bài kiểm tra có sự tham gia của giáo viên trường trung học cơ sở trên cùng địa bàn; giáo viên chủ nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá học sinh, bàn giao cho nhà trường.

3. Trưởng phòng giáo dục và đào tạo chỉ đạo các nhà trường trên cùng địa bàn tổ chức nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh hoàn thành chương trình tiểu học lên lớp 6 phù hợp với điều kiện của các nhà trường và địa phương.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Khen thưởng

1. Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh:

a) Khen thưởng cuối năm học:

- Học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện: kết quả đánh giá các môn học, các năng lực, phẩm chất đạt mức A; bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn học đạt 9 điểm trở lên.

- Học sinh hoàn thành tốt các nội dung học tập và rèn luyện: kết quả đánh giá có ít nhất 50% các môn học đạt mức A, các môn học còn lại đạt mức B; các năng lực, phẩm chất đạt mức A hoặc mức B; bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn học đạt 7 điểm trở lên.

- Học sinh có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc về ít nhất một môn học hoặc ít nhất một năng lực, phẩm chất được giáo viên giới thiệu và tập thể lớp công nhận.

b) Khen thưởng đột xuất: học sinh có thành tích nổi bật trong các phong trào thi đua hoặc có thành tích đột xuất trong năm học.

2. Học sinh có thành tích đặc biệt được nhà trường xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo

1. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các trường phòng giáo dục và đào tạo tổ chức việc thực hiện đánh giá học sinh tiểu học trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hướng dẫn việc sử dụng Học bạ của học sinh khi Thông tư này có hiệu lực.

2. Trưởng phòng giáo dục và đào tạo chỉ đạo các hiệu trưởng tổ chức việc thực hiện đánh giá, nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh tiểu học trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về sở giáo dục và đào tạo.

3. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo và Trưởng phòng giáo dục và đào tạo có trách nhiệm theo dõi, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư này tại địa phương.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Trách nhiệm của hiệu trưởng

1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức việc thực hiện đánh giá học sinh; đảm bảo chất lượng đánh giá; báo cáo kết quả thực hiện về phòng giáo dục và đào tạo; tuyên truyền cho cha mẹ học sinh về cách đánh giá theo Quy định này.

2. Tôn trọng quyền tự chủ của giáo viên trong đánh giá học sinh.

3. Chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì cuối kì I và cuối năm học; xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh, nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh; xác nhận kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; xét lên lớp; quản lí hồ sơ đánh giá học sinh.

4. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị về đánh giá học sinh trong phạm vi và quyền hạn của hiệu trưởng.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Trách nhiệm của giáo viên

1. Giáo viên chủ nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá học sinh, kết quả giáo dục học sinh trong lớp; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định; nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh;

b) Thông báo kết quả đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh cho cha mẹ học sinh đó vào cuối học kì I, cuối năm học;

c) Hướng dẫn học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn. Tuyên truyền cho cha mẹ học sinh về cách đánh giá theo Quy định này; phối hợp và hướng dẫn cha mẹ học sinh tham gia vào quá trình đánh giá.

2. Giáo viên không làm công tác chủ nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh đối với môn học, hoạt động giáo dục theo quy định;

b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng lớp, cha mẹ học sinh thực hiện việc đánh giá học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh; nghiệm thu chất lượng giáo dục học sinh;

c) Hướng dẫn học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn.

3. Trong trường hợp cần thiết, giáo viên thông báo kết quả đánh giá học sinh cho cha mẹ học sinh đó.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Quyền và trách nhiệm của học sinh

1. Được nêu ý kiến và nhận sự hướng dẫn, giải thích của giáo viên, hiệu trưởng về kết quả đánh giá.

2. Tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn theo hướng dẫn của giáo viên.”

Điều 2. Bãi bỏ và thay đổi từ ngữ

1. Bãi bỏ Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 11.

2. Thay đổi cụm từ “đánh giá” thành “nhận xét” tại khoản 2 Điều 3;

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng.....năm 2016.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo TƯ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Hội đồng Quốc gia GD và PTNL;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TƯ (để biết);
- Công báo;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDTH.

BỘ TRƯỞNG

Phùng Xuân Nhạ